

Bản án số: 87/2026/HNGĐ-ST
Ngày 25/8/2026
“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đăng Anh Việt.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Công Hùng và bà Phạm Thị Nhàn.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – G.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – G tham gia phiên tòa:* Bà Mai Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 8 – G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 224/2026/TLST-HNGĐ, ngày 21/5/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/7/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 07/8/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Hợp Thắng, xã Chư Prông, tỉnh G.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Trần Thiện H1, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Hợp Thắng, xã Chư Prông, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Trần Thiện H1 có trải qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28/4/2016 tại UBND xã Ia Drang, huyện Chư Prông, tỉnh G (cũ), nay là UBND xã Chư Prông, tỉnh G.

Trong thời gian chung sống, giữa chị H và anh H1 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2024 đến nay. Sau khoảng thời gian sống ly thân, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị vẫn không hòa giải được, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng hòa giải, tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Chị H và anh H1 có 02 con chung tên: Trần Nguyễn Bảo Hân, sinh ngày 21/11/2017 và Trần Hoàng Phúc, sinh ngày 03/10/2019.

Từ khi vợ chồng chị sống ly thân đến nay, cả 02 cháu đều sống cùng với chị H. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được, chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, bị đơn anh Trần Thiện H1 không đến Toà án để tham gia tố tụng, không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên tòa.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – G:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nH1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Trần Thiện H1 là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị H và anh H1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian, chị H có đơn xin ly hôn, anh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nH1 anh H1 không đến Toà án để tham gia tố tụng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nH1 anh, chị không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị H không còn yêu thương anh H1, không còn mong muốn chung sống cùng anh H1 nữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

+ Về con chung: Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Bảo Hân và Trần Hoàng Phúc cho đến khi các cháu thành niên và tự lập

được. Anh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nH1 không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về việc giải quyết nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giao cháu Hân và cháu Phúc cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi các cháu chưa thành niên, đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H là nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với anh Trần Thiện H1 có địa chỉ tại: Thôn Hợp Thắng, xã Chư Prông, tỉnh G. Vì vậy đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – G theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Thiện H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nH1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Trần Thiện H1 trải qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chư Prông, tỉnh G, vì vậy hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Quá trình chung sống với anh H1, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh H1.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nH1 chị H và anh H1 không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị H không còn yêu thương anh H1, không còn mong muốn chung sống cùng anh H1 nữa. Như vậy, chị H và anh H1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải, lấy lời khai, tham gia phiên tòa nH1 vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì. Điều đó thể hiện anh H1 không còn quan tâm tới quan hệ hôn nhân với chị H, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, chị H yêu cầu ly

hôn với anh H1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung tên: Trần Nguyễn Bảo Hân, sinh ngày 21/11/2017 và Trần Hoàng Phúc, sinh ngày 03/10/2019.

Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hân và cháu Phúc cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu Hân và cháu Phúc, từ khi chị H và anh H1 sống ly thân đến nay, cháu Hân và cháu Phúc do một mình chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, anh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H1 không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn nuôi dưỡng cháu Hân và cháu Phúc. Cháu Hân cũng có nguyện vọng được sống cùng chị H. Do đó, cần giao cháu Hân và cháu Phúc cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh H1 cũng không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Huyền cũng không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự;
- Các Điều 9, 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với anh Trần Thiện H1.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Bảo Hân, sinh ngày 21/11/2017 và Trần Hoàng Phúc, sinh ngày 03/10/2019 cho chị Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi các cháu chưa thành niên, đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Trần Thiện H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ nhà nước, nH1 được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005114, ngày 20/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh G. Chị H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 25/8/2026, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND Khu vực 8;
- Các đương sự;
- UBND xã Chư Prông;
- Phòng THADS Khu vực 8;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đặng Anh Việt